

TỪ BỎ VÀ CHUYỂN GIAO QUYỀN NHÂN THÂN SAU KHI TÁC GIẢ CHẾT - QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

*Nguyễn Thị Lâm Nghi**

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền tác giả cũng như cách tiếp cận của một số quốc gia trên thế giới về việc từ bỏ và chuyển giao quyền nhân thân sau khi tác giả qua đời như một sự tham khảo đối với pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết xác định các khoảng trống pháp lý, các hệ lụy mà các thiếu sót trên có thể mang lại và đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện hơn khung pháp lý bảo hộ quyền nhân thân của tác giả.

Abstract: The article focuses on analyzing the provisions of Vietnamese law on copyright as well as the approach of some countries around the world on the waiver and transfer of moral rights after the author's death as a matter of fact with reference to Vietnamese law. On that basis, the article identifies legal gaps and possible consequences of the above shortcomings and makes some recommendations to improve the legal framework to protect the author's moral rights.

1. Đặt vấn đề

Về bản chất, quyền nhân thân của tác giả được coi là tương đồng với quyền con người¹, thể hiện các giá trị tinh thần của tác giả nên luôn được coi là quyền gắn liền với cá nhân tác giả và bất khả chuyển giao cho người khác². Trong hệ thống pháp luật của các quốc gia theo trường phái Dân luật, quyền nhân thân của tác giả thường được bảo hộ vô thời hạn, ngay cả khi tác giả đã qua đời. Tính chất không thể chuyển giao của quyền nhân thân sẽ đặt ra một vấn đề là liệu sau khi tác giả chết, quyền nhân thân có thể chuyển giao cho những người còn sống không, hoặc ai sẽ thay tác giả thực hiện các

quyền nhân thân này? Thêm vào đó, căn cứ vào nguyên tắc bất khả chuyển giao, tác giả cho dù muốn cũng không thể thỏa thuận chuyển quyền nhân thân của mình cho người khác (ví dụ dưới dạng hợp đồng), nhưng liệu tác giả có quyền từ bỏ quyền nhân thân của mình không, khi hệ quả của việc từ bỏ là tác giả không có quyền cấm đoán các hành vi vốn sẽ bị coi là xâm phạm quyền nhân thân nếu không có sự từ bỏ quyền của tác giả? Các phân tích sau đây sẽ cho chúng ta một cái nhìn khái quát về cách tiếp cận của pháp luật Việt Nam so với các quốc gia khác về vấn đề trên.

2. Phân tích quy định pháp luật bảo hộ quyền nhân thân của tác giả ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009 và 2019 – sau đây gọi tắt là Luật Sở hữu trí tuệ 2005) quy định bốn quyền nhân thân tại Điều 19:

“1. Đặt tên cho tác phẩm;

* ThS., Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

¹ Susan P. Liemer, *Understanding Artists' Moral Rights: A Primer*, Public Interest Law Journal, Vol 7, 1998, tr. 42.

² Linda J. Lacey, *Of Bread and Roses and Copyrights*, Duke Law Journal, Vol. 1989:1532, 1989, tr. 1542.

2. Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;

3. Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;

4. Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả”.

Nhìn chung, cũng giống như đa số các quốc gia theo hệ thống Dân luật, các quyền nhân thân trên (trừ quyền công bố tác phẩm) được bảo hộ vô thời hạn và không thể chuyển giao cho các chủ thể khác bằng hợp đồng³. Vấn đề là liệu tác giả có quyền từ bỏ hoặc chuyển giao các quyền này⁴ sau khi chết hay không?

2.1. Về vấn đề chuyển giao quyền nhân thân sau khi tác giả chết

Điều 45 và Điều 47 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 quy định các quyền nhân thân (trừ quyền công bố tác phẩm) không được phép chuyển giao cho người khác và được bảo hộ vô thời hạn. Như vậy, cho dù tác giả có qua đời, cho dù tác phẩm đã hết thời hạn bảo hộ đối với các quyền tài sản, quyền nhân thân vẫn tồn tại. Từ đó, một vấn đề phát sinh là ai sẽ thực thi các quyền này cho tác giả sau khi tác giả chết? Liệu việc thực thi các quyền nhân thân đối với tác phẩm có được chuyển giao cho người khác trong trường hợp này?

2.1.1. Quy định của pháp luật Việt Nam

³ Điều 27, Điều 45 và Điều 47 Luật Sở hữu trí tuệ 2005.

⁴ Bởi vì Luật Sở hữu trí tuệ 2005 quy định quyền công bố tác phẩm có thể chuyển giao được bằng hợp đồng lần theo quy định về thừa kế, nên bài viết này chỉ nghiên cứu các vấn đề liên quan đến các quyền nhân thân được quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều 19.

Theo quy định tại Điều 45 và Điều 47 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, có hai hình thức chuyển giao quyền là chuyển nhượng quyền (Điều 45) và chuyển quyền sử dụng (Điều 47).

Điều 45 định nghĩa: “Chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan là việc chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan chuyển giao quyền sở hữu [...] cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan”. Như vậy, bản chất của hình thức chuyển nhượng quyền là việc chủ sở hữu chấp nhận chuyển cho chủ thể quyền sở hữu quyền tác giả của mình. Vấn đề là, cụm từ “pháp luật có liên quan” ở đây được hiểu là các quy định pháp lý liên quan đến hợp đồng hay bất kỳ các quy định nào liên quan đến việc chuyển dịch quyền sở hữu? Đối với tài sản thông thường không phải là tài sản trí tuệ, việc chuyển giao các tài sản đó trong giao dịch dân sự được quy định bởi Bộ luật Dân sự năm 2015, theo đó, luật phân biệt cụ thể các loại hình chuyển giao tài sản dưới dạng hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương (ví dụ để lại thừa kế theo di chúc). Trong khi đó, Luật Sở hữu trí tuệ 2005 lại không có các quy định cụ thể như trên mà chỉ quy định chung về chuyển nhượng và chuyển quyền sử dụng như được đề cập.

Tuy nhiên, có vẻ như cụm từ “pháp luật có liên quan” trong Điều 45 không bao hàm pháp luật thừa kế. Bởi lẽ, trong các quy định về chủ sở hữu quyền, có hai điều luật đáng chú ý giúp chúng ta khẳng định cách hiểu này, đó là Điều 40 và Điều 41 Luật Sở hữu trí tuệ 2005. Cụ thể, luật tách bạch chủ sở hữu quyền là người thừa kế quyền (Điều 40) và chủ sở hữu quyền là người được chuyển giao quyền (Điều 41). Rõ ràng, việc thừa kế quyền và chuyển giao quyền là hai khái niệm độc lập, không bao hàm nhau.

Như vậy, vấn đề liệu các quyền nhân thân nêu trên có được chuyển giao cho người khác sau khi tác giả chết hay không vẫn còn bị bỏ ngỏ trong Luật Sở hữu trí tuệ. Mặt khác, nếu áp dụng khoản 1 Điều 5, vấn đề bị bỏ ngỏ trong Luật Sở hữu trí tuệ 2005 sẽ áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết; theo đó, khoản 1 Điều 25 của Bộ luật Dân sự quy định quyền nhân thân không thể chuyển giao cho người khác, kể cả là để lại thừa kế. Tuy nhiên, Điều 25 chỉ áp dụng cho các quyền nhân thân được quy định tại Bộ luật này và không có quyền nhân thân liên quan đến quyền tác giả nào được ghi nhận trong Bộ luật Dân sự năm 2015⁵.

Từ đây, một vấn đề có liên quan khác được đặt ra là, ngay cả khi pháp luật không công nhận việc thừa kế quyền nhân thân, nhưng những người thừa kế theo pháp luật hoặc theo di chúc hoặc những người khác có liên quan liệu có quyền nhân danh tác giả để thực thi các quyền này thay cho tác giả hay không? Pháp luật về quyền tác giả hiện hành cũng không điều chỉnh vấn đề này. Do vậy, liệu chúng ta có áp dụng được Bộ luật Dân sự năm 2015 để trả lời câu hỏi trên hay không? Theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Bộ luật Dân sự năm 2015:

“Việc xác lập, thực hiện quan hệ dân sự liên quan đến quyền nhân thân của người bị tuyên bố mất tích, người đã chết phải được sự đồng ý của vợ, chồng hoặc con thành niên của người đó; trường hợp không có những người này thì phải được sự đồng ý của cha, mẹ của người bị tuyên bố mất tích,

người đã chết, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”.

Nói cách khác, nếu áp dụng đối với quyền nhân thân của tác giả, chỉ có vợ, chồng hoặc con thành niên, hoặc cha, mẹ của tác giả mới có quyền tự mình hoặc cho người khác thực thi các quyền nhân thân không gắn với tài sản của tác giả sau khi tác giả qua đời. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, bản thân quy định của Điều 25 Bộ luật Dân sự lại chỉ áp dụng cho các quyền nhân thân được liệt kê từ Điều 26 đến Điều 39 của Bộ luật này mà không ghi nhận các quyền nhân thân thuộc nội dung quyền tác giả.

Có thể thấy rằng, pháp luật quyền tác giả Việt Nam hiện hành vẫn chưa có những quy định cụ thể về khả năng chuyển giao quyền hoặc chuyển giao việc thực thi các quyền nhân thân không phải là quyền công bố tác phẩm của tác giả cho người khác sau khi tác giả chết, kể cả chuyển giao dưới dạng thừa kế quyền hoặc chuyển giao quyền thực thi các quyền này cho một chủ thể khác không phải là người thừa kế.

2.1.2. Quy định pháp luật của một số quốc gia

Đa số các quốc gia, kể cả theo hệ thống Thông luật lẫn hệ thống Dân luật đều áp dụng nguyên tắc tính không thể chuyển giao (hay còn gọi tính không thể tách rời - inalienability) của quyền nhân thân. Tuy vậy, nguyên tắc này chỉ áp dụng đối với việc chuyển giao khi tác giả còn sống, còn khi tác giả đã qua đời, quyền này, hoặc việc thực hiện các quyền này sẽ được để lại cho những người thừa kế hoặc người khác. Cụ thể, Điều L121-1 Bộ luật Sở hữu trí tuệ của Pháp quy định các quyền nhân thân bao gồm quyền tôn trọng tên, tư cách tác giả và tác phẩm của tác giả có thể chuyển giao cho người thừa kế, việc thực hiện các quyền này sẽ được trao cho chủ thể được chỉ định

⁵ Nguyên văn khoản 1 Điều 25 của Bộ luật Dân sự năm 2015: “Quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật này là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”.

trong di chúc của tác giả⁶. Điều 29 Luật Quyền tác giả và quyền liên quan Đức cũng ghi nhận quyền nhân thân, cùng với quyền tác giả nói chung, là không thể chuyển giao được, nhưng có thể để lại thừa kế sau khi tác giả qua đời⁷.

Nhiều quốc gia theo hệ thống Thông luật cũng thừa nhận khả năng chuyển quyền nhân thân sau khi tác giả chết. Ví dụ, Điều 95 Đạo luật Bản quyền, kiểu dáng công nghiệp và sáng chế năm 1988 của Anh (CDPA 1988) quy định rõ: Khi tác giả qua đời, các quyền nhân thân sẽ được chuyển giao cho người được chỉ định trong di chúc, trong trường hợp không có người được chỉ định thì các quyền này sẽ được chuyển giao cho những người được hưởng quyền tác giả với tư cách là di sản thừa kế, hoặc trong trường hợp không có những người nêu trên thì các quyền này sẽ được thực hiện bởi người đại diện của tác giả⁸. Tương tự, Điều 14.2 Đạo luật Bản quyền Canada quy định: Các quyền nhân thân sẽ được chuyển giao cho người còn sống sau khi tác giả qua đời theo thứ tự ưu tiên: (1) Người được chỉ định cụ thể được thực hiện quyền nhân thân trong di chúc, (2) Người được hưởng di sản thừa kế là quyền tác giả theo di chúc, và (3) Trong trường hợp tác giả không có chỉ định người hưởng quyền theo di chúc, người

được chuyển giao quyền là người được trao các tài sản thừa kế khác⁹. Một hệ thống pháp luật khác chúng ta có thể tham khảo là Úc. Đạo luật Bản quyền năm 1968 của Úc quy định mặc dù quyền nhân thân không thể chuyển giao, kể cả là bằng hợp đồng hoặc theo di chúc¹⁰, nhưng việc thực thi các quyền này sẽ được thực hiện bởi người đại diện theo pháp luật của tác giả hoặc bởi những người đang quản lý hợp pháp quyền đối với tác phẩm của tác giả¹¹.

Như vậy, nhiều quốc gia, kể cả theo hệ thống Thông luật lẫn Dân luật đều chỉ giới hạn tính không thể chuyển giao quyền nhân thân khi tác giả còn sống và cho phép các quyền này được chuyển giao cho người thừa kế hoặc quy định cụ thể người được phép thực thi quyền nhân thân của tác giả khi tác giả qua đời. Đối với quyền công bố tác phẩm, việc thực thi quyền này của những người được chuyển giao quyền sẽ bị hạn chế trong nhiều trường hợp.

2.2. Vấn đề từ bỏ quyền nhân thân của tác giả

2.2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam

Từ bỏ (waiver) quyền nhân thân là một trong những vấn đề quan trọng được pháp luật của các quốc gia điều chỉnh. Tuy nhiên, pháp luật quyền tác giả của Việt Nam gần như bỏ ngỏ vấn đề này ngoài quy định mang tính chất gián tiếp mà thiếu hẳn tính hệ thống hay nguyên tắc.

Thứ nhất, phải khẳng định là hệ thống pháp luật về quyền tác giả của Việt Nam

⁶ Bộ luật Sở hữu trí tuệ Pháp, xem tại <https://web.archive.org/web/20071212103910/http://195.83.177.9/code/liste.phtml?lang=uk&c=36&r=2497>, truy cập ngày 10/3/2021.

⁷ Luật Quyền tác giả và quyền liên quan Đức, xem tại https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_urhg/englisch_urhg.html, truy cập ngày 11/3/2021. Đức là quốc gia áp dụng cách tiếp cận nhất nguyên (monistic), theo đó quyền nhân thân và quyền tài sản được xem là một thể thống nhất và không thể tách rời của quyền tác giả.

⁸ Đạo luật Bản quyền, kiểu dáng công nghiệp và sáng chế năm 1988 Anh, xem tại: <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1988/48/section/95>, truy cập ngày 11/3/2021

⁹ Đạo luật Bản quyền Canada, xem tại <https://laws-lois.justice.gc.ca/eng/acts/c-42/page-4.html#h-102861>, truy cập ngày 11/3/2021.

¹⁰ Điều 195AN(3) Đạo luật Bản quyền năm 1968 Úc, xem tại http://www8.austlii.edu.au/cgi-bin/viewdoc/au/legis/cth/consol_act/ca1968133/s195an.html, truy cập ngày 11/3/2021.

¹¹ Điều 195AN(1)&(2) Đạo luật Bản quyền năm 1968 Úc.

không có các quy định về việc liệu tác giả có được phép từ bỏ quyền nhân thân hay không (thậm chí pháp luật không quy định việc từ bỏ quyền tác giả nói chung, kể cả quyền tài sản, trong khi việc từ bỏ quyền sở hữu công nghiệp lại được thừa nhận tại Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ 2005).

Thứ hai, mặc dù không có một quy định cụ thể nào trực tiếp điều chỉnh vấn đề từ bỏ quyền nhân thân, nhưng khoản 3 Điều 20 Nghị định số 22/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan (sau đây gọi tắt là Nghị định 22) lại ghi nhận như sau:

“Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ là việc không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm hoặc sửa chữa, nâng cấp chương trình máy tính trừ trường hợp có thoả thuận của tác giả”.

Theo quy định trên, tác giả có quyền cho phép người khác sửa chữa tác phẩm của mình, trong trường hợp đó, việc sửa chữa tác phẩm không bị coi là hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm của tác giả. Từ đó, chúng ta có quyền suy đoán, một khi tác giả cho phép người khác sửa chữa tác phẩm của mình, tác giả không còn quyền cáo buộc hành vi sửa chữa đó là xâm phạm quyền nhân thân nữa. Nói cách khác, hành vi cho phép của tác giả được suy đoán là tác giả đã từ bỏ quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm của mình trong trường hợp này. Một lưu ý nữa là, Nghị định 22 rõ ràng chỉ cho phép tác giả từ bỏ quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm trong từng trường hợp cụ thể và không hề có quy định nào cho phép tác

giả từ bỏ quyền nói chung cho mọi trường hợp (blanket waiver).

Thứ ba, mặc dù Nghị định 22 mở ra khả năng tác giả có thể từ bỏ quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm trong từng trường hợp cụ thể, nhưng khả năng này lại không được quy định cho ba quyền nhân thân còn lại là quyền đặt tên cho tác phẩm, quyền đứng tên trên tác phẩm và quyền công bố tác phẩm. Do đó, liệu tác giả có quyền từ bỏ các quyền trên hay không là vấn đề mà pháp luật quyền tác giả Việt Nam còn bỏ ngỏ.

2.2.2. Quy định pháp luật của một số quốc gia

Pháp luật quyền tác giả của nhiều quốc gia đều có các quy định cụ thể điều chỉnh vấn đề từ bỏ quyền nhân thân của tác giả. Hiện tại, có thể chia thành hai xu hướng pháp lý liên quan đến cách thức điều chỉnh vấn đề này. Xu hướng thứ nhất là cho phép tác giả có quyền từ bỏ chung (blanket waiver) và có thể tuyên bố việc từ bỏ này đối với một tác phẩm đang hiện hữu hoặc tác phẩm sẽ hình thành trong tương lai. Ngược lại, xu hướng thứ hai chỉ cho phép tác giả từ bỏ quyền nhân thân đối với từng trường hợp cụ thể và chỉ áp dụng cho tác phẩm đang hiện hữu.

Anh là quốc gia điển hình có cách tiếp cận theo xu hướng thứ nhất. Cụ thể, Điều 87 Đạo luật CDPA 1988 của Anh cho phép tác giả có thể từ bỏ quyền nhân thân nói chung hoặc chỉ từ bỏ đối với từng trường hợp cụ thể cho từng tác phẩm cụ thể. Ngoài ra, Điều 87(3)(b) của Đạo luật này cũng quy định việc từ bỏ có thể kèm theo điều kiện (conditional waiver) hoặc vô điều kiện (unconditional waiver). Một điểm lưu ý nữa là việc từ bỏ chỉ có giá trị pháp lý nếu tác giả thể hiện sự từ bỏ này dưới hình thức văn bản có chữ ký của chính tác giả (Điều 87(2), CDPA 1988). Tương tự, Điều 14.1(2) Đạo

luật Bản quyền Canada cũng cho phép tác giả có thể từ bỏ toàn bộ hoặc một phần quyền nhân thân của mình.

Ngược lại, Pháp là quốc gia tiêu biểu cho xu hướng hạn chế phạm vi từ bỏ quyền nhân thân đối với tác phẩm. Nhìn chung, Pháp không cho phép hành vi từ bỏ quyền nhân thân nói chung mà việc từ bỏ này chỉ được áp dụng cho từng trường hợp cụ thể. Tương tự như cách tiếp cận của Nghị định 22, một hành vi sẽ không bị coi là xâm phạm đến quyền nhân thân theo pháp luật quyền tác giả Pháp nếu tác giả thể hiện sự cho phép các hành vi này được thực hiện. Ví dụ, Điều L132-11 quy định nhà xuất bản không được chỉnh sửa tác phẩm nếu như không được sự cho phép bằng văn bản của tác giả, nhà xuất bản cũng phải ghi tên, bút danh hoặc ký hiệu của tác giả lên mỗi bản sao của tác phẩm, trừ trường hợp có sự thỏa thuận khác với tác giả. Ngoài ra, việc từ bỏ quyền chỉ được diễn ra sau (waiver ex post), việc tuyên bố từ bỏ trước (waiver ex ante) quyền nhân thân sẽ bị cấm bởi luật Pháp¹². Trong án lệ *Edouard Luntz v. Fox Europa*¹³, điều khoản quy định cho phép nhà sản xuất được quyết định bản nào là bản hoàn thành của bộ phim mà không cần tham vấn ý kiến đạo diễn bị tuyên là vô hiệu, bởi lẽ điều khoản này thể hiện việc từ bỏ từ trước quyền công bố tác phẩm.

¹² Marjut Salokannel & Alain Strowel, Báo cáo “*Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology*”, được thực hiện theo hợp đồng với EU Commission’s internal market directorate-general, 2000, tr. 51, xem tại: https://www.academia.edu/1363052/Study_contract_concerning_moral_rights_in_the_context_of_the_exploitation_of_works_through_digital_technology?auto=download, truy cập ngày 11/3/2021.

¹³ Cass. Jan. 7, 1973, *Edouard Luntz v. Fox Europa*, D., 1973, J 376, dẫn theo Marjut Salokannel & Alain Strowel, tldđ, tr. 51.

Tương tự như Pháp, luật Bỉ cũng không cho phép tác giả từ bỏ quyền nhân thân nói chung trước thời điểm thực hiện quyền¹⁴. Điều đó có nghĩa tác giả được phép từ bỏ quyền trong từng trường hợp cụ thể, xác định.

Nhìn chung, việc từ bỏ quyền được thừa nhận ở nhiều quốc gia¹⁵ ở nhiều mức độ khác nhau. Các quốc gia theo hệ thống Thông luật có xu hướng cho phép từ bỏ hoàn toàn quyền nhân thân nói chung, còn các quốc gia theo hệ thống Dân luật lại áp dụng nguyên tắc cấm từ bỏ quyền nhân thân nhưng vẫn cho phép một số ngoại lệ. Theo đó, quyền nhân thân chỉ được từ bỏ một phần, theo những điều kiện nhất định trong từng trường hợp cụ thể.

3. Những bất cập trong quy định bảo hộ quyền nhân thân của pháp luật Việt Nam hiện hành

Việc thiếu vắng các công cụ điều chỉnh vấn đề chuyển giao quyền nhân thân sau khi tác giả qua đời cũng như bỏ ngỏ khả năng từ bỏ quyền nhân thân trong pháp luật quyền tác giả Việt Nam có thể dẫn đến nhiều bất cập khi các xung đột trong việc thực hiện các quyền này xảy ra trên thực tế.

3.1. Đối với việc chuyển giao quyền nhân thân sau khi tác giả chết

Không khó đặt ra một tình huống có khả năng lớn xảy ra trên thực tế là tác giả sau khi qua đời, tác phẩm bị mạo danh, bị đổi tên hoặc bị sửa chữa thô bạo gây phương hại cho danh dự uy tín của tác giả. Vậy khi những hành vi như thế xảy ra, liệu

¹⁴ Điều 1(2), Luật Quyền tác giả và quyền liên quan Bỉ, xem tại: <https://www.wipo.int/edocs/lexdocs/laws/en/be/be064en.pdf>, truy cập ngày 12/3/2021.

¹⁵ Báo cáo “*Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology*”, tldđ, thể hiện đa phần các quốc gia châu Âu là thành viên của Công ước Berne năm 1886 công nhận khả năng từ bỏ quyền nhân thân của tác giả.

ai có quyền thay tác giả thực hiện các quyền nhân thân này?

Năm 2016, Trần Thành cùng ê kíp vở hài kịch Tô Ánh Nguyệt Remix đã bị phạt hành chính vì hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm đối với vở cải lương kinh điển Tô Ánh Nguyệt của cố soạn giả Trần Hữu Trang¹⁶. Vì là hình thức xử phạt vi phạm hành chính nên tất nhiên không đòi hỏi phải có người khiếu nại. Tuy vậy, một câu hỏi được đặt ra là liệu một vụ kiện dân sự có khả năng diễn ra để bảo vệ quyền nhân thân của cố soạn giả Trần Hữu Trang trong bối cảnh ông đã qua đời? Nếu có, ai sẽ là người có quyền hợp pháp để khởi kiện? Nếu một trong những người thừa kế của tác giả khởi kiện, đơn kiện của họ có được coi là hợp lệ về chủ thể không và Tòa án sẽ dựa vào quy định pháp lý nào để chấp nhận hoặc từ chối đơn khởi kiện đó? Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Nguyên đơn trong vụ án dân sự là người khởi kiện, người được cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự *khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của người đó bị xâm phạm*”. Rõ ràng, trong khi Luật Sở hữu trí tuệ không quy định quyền nhân thân, hoặc chỉ ít quyền nhân danh tác giả thực hiện quyền nhân thân của tác giả sẽ được chuyển cho người khác sau khi tác giả chết, Tòa án khó có cơ sở để coi một đơn kiện như thế là hợp lệ về mặt chủ thể có quyền khởi kiện. Vô hình trung, quy định quyền nhân thân (không phải quyền công bố tác phẩm) được bảo hộ vô thời hạn trở nên vô nghĩa vì xét về mặt

thực tiễn, sau khi tác giả chết, không ai có thể thực hiện quyền này vì thiếu vắng quy định của pháp luật, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các quy định xử phạt vi phạm hành chính như trong vụ Tô Ánh Nguyệt Remix. Hay nói cách khác, với quy chế pháp lý hiện tại, sau khi tác giả qua đời, quyền nhân thân của họ chỉ có thể được bảo vệ bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cách tiếp cận này tước đoạt khả năng được tự bảo vệ của các chủ thể trong quan hệ dân sự. Hơn nữa, việc lạm dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với việc thực thi các quyền nhân thân sẽ dễ dẫn đến khả năng hành chính hóa các quan hệ dân sự một cách thái quá. Ngoài ra, hình thức này thực chất cũng kém hiệu quả hơn trong việc bảo hộ các quyền mang tính chất dân sự như quyền tác giả so với biện pháp khởi kiện dân sự. Thực vậy, Nhà nước không thể quán xuyến hết các hành vi vi phạm loại này. Điển hình, nếu không có sự phản ứng sâu sắc của dư luận trong trường hợp Tô Ánh Nguyệt Remix, liệu cơ quan nhà nước có phát hiện ra hành vi vi phạm để quyết định xử phạt hay không? Rõ ràng, xét về bản chất, các quan hệ liên quan đến nội dung quyền tác giả mang bản chất dân sự nổi trội, vì thế, các biện pháp bảo vệ dân sự nên được ưu tiên áp dụng sẽ hiệu quả và thực chất hơn.

3.2. Đối với vấn đề từ bỏ quyền nhân thân

Không có điều khoản nào trong Luật Sở hữu trí tuệ 2005 quy định tác giả có quyền từ bỏ quyền nhân thân, mặc dù khoản 3 Điều 20 Nghị định 22 có thể được diễn giải là ngầm cho phép tác giả từ bỏ quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm trong từng trường hợp cụ thể. Các quyền nhân thân còn lại không được pháp luật điều chỉnh vấn đề

¹⁶ Linh Đoàn, *Diễn Tô Ánh Nguyệt Remix: Trần Thành bị phạt 32,5 triệu đồng*, Báo Tuổi trẻ Online, xem tại <https://tuoitre.vn/dien-to-anh-nguyet-remix-tran-thanh-bi-phat-hon-32-trieu-dong-1101799.htm>, truy cập ngày 12/3/2021.

này. Sự thiếu vắng các công cụ pháp lý có thể dẫn đến những bất cập trên thực tế.

Năm 2018, một vụ kiện nhận được sự quan tâm lớn của xã hội là vụ họa sĩ Lê Phong Linh (bút danh Lê Linh) kiện Công ty Phan Thị và bà Phan Thị Mỹ Hạnh liên quan đến quyền tác giả đối với hình thức thể hiện bốn nhân vật chính trong bộ truyện tranh Thần Đồng Đất Việt. Một trong các yêu cầu khởi kiện của Lê Linh là Tòa án công nhận ông có tư cách là tác giả duy nhất của các hình thức thể hiện này. Ngược lại, bà Phan Thị Mỹ Hạnh cho rằng, mình có tư cách tác giả dựa trên nhiều lập luận, một trong số các lý lẽ đó là Lê Linh đã từng ký văn bản thừa nhận tư cách đồng tác giả của bà Phan Thị Mỹ Hạnh. Tòa án cấp sơ thẩm bác lập luận này với lý do pháp luật quyền tác giả Việt Nam không cho phép chuyển giao quyền nhân thân của tác giả nên các giao dịch đối với quyền này sẽ bị coi là vô hiệu. Ở đây, Tòa án xác định văn bản được ký kết giữa Lê Linh và bà Phan Thị Mỹ Hạnh là hành vi chuyển quyền đứng tên dưới tác phẩm quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ 2005¹⁷. Tuy nhiên, giả sử nếu điều khoản trong văn bản này không phải là Lê Linh thỏa thuận tư cách đồng tác giả của Phan Thị Mỹ Hạnh, mà là tuyên bố từ bỏ quyền đứng tên trên tác phẩm với tư cách là tác giả thì có bị tuyên bố là vô hiệu hay không?

Việc điều chỉnh các vấn đề trên có ý nghĩa bởi lẽ nó sẽ hạn chế các tranh chấp xảy ra trong trường hợp một tác phẩm được sáng tác theo hợp đồng thuê việc, giao việc như trường hợp vụ kiện Thần Đồng Đất

Việt nêu trên. Trong mối quan hệ giữa bên thuê và bên được thuê, hoàn toàn có khả năng bên thuê vì tối đa hóa quyền lợi của mình đối với tác phẩm và tránh những hạn chế do pháp luật quy định, họ sẽ sử dụng các điều khoản hợp đồng như là một công cụ để đạt được mục đích này. Do vậy, vấn đề còn lại là liệu pháp luật có cho phép những thỏa thuận này có hiệu lực hay không. Việc pháp luật bỏ trống vấn đề này sẽ dễ dẫn đến các tranh chấp sau này.

4. Kiến nghị

4.1. Vấn đề chuyển giao quyền nhân thân sau khi tác giả chết

Pháp luật quyền tác giả Việt Nam cần ghi nhận khả năng chuyển giao việc thực hiện quyền nhân thân sau khi tác giả qua đời. Việc thừa nhận khả năng này sẽ có thể đáp ứng hiệu quả các mục tiêu sau:

Thứ nhất, pháp luật quy định quyền nhân thân được bảo hộ vô thời hạn, không chấm dứt khi tác giả qua đời nên việc chuyển giao việc thực thi quyền nhân thân sau khi tác giả chết có thể giúp điều khoản này thực sự có giá trị thi hành trên thực tế.

Thứ hai, việc cho phép người khác thực hiện quyền nhân thân của tác giả sau khi tác giả chết cũng phù hợp với xu hướng của nhiều quốc gia trên thế giới như đã phân tích ở trên. Quan trọng hơn, thực thi quyền nhân thân của tác giả có thể được chuyển giao sau khi tác giả chết cũng là quy định của Công ước Berne năm 1886. Cụ thể, khoản 2 Điều 6bis của Công ước Berne quy định sau khi tác giả chết, quyền nhân thân của tác giả sẽ được thực hiện bởi các cá nhân, tổ chức theo quy định của các quốc gia thành viên. Với tư cách là thành viên của Công ước Berne, Việt Nam nên nội luật hóa cụ thể tinh thần của quy định này.

¹⁷ Xem tóm tắt bản án sơ thẩm vụ kiện tại: <http://bross.vn/newsletter/ip-news-update/Tom-tat-ban-an-so-tham-tranh-chap-quyen-tac-gia--lien-quan-den-bo-truyen-tranh-%E2%80%9CThần-Dồng-Dat-Viet%E2%80%9D---1476>, truy cập ngày 17/3/2021.

Vấn đề ai có quyền thực thi quyền nhân thân của tác giả sau khi chết nên được quy định cụ thể để tránh những tranh chấp có thể xảy ra. Như đã phân tích, tùy từng quốc gia mà người được kế thừa quyền sẽ khác nhau. Theo đó, đa số các quốc gia sẽ ưu tiên quy định việc thực hiện quyền cho các chủ thể được chỉ định bởi chính tác giả, chỉ khi nào tác giả không chỉ định thì pháp luật sẽ quy định cụ thể người có quyền thực hiện. Đối với trường hợp tác giả không chỉ định người thực hiện quyền thì hiện tại, có thể áp dụng pháp luật theo hai hướng: Một là, theo quy định về thừa kế theo pháp luật và hai là, theo quy định về bảo hộ quyền nhân thân được thể hiện tại Điều 25 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cách tiếp cận mà tác giả bài viết đề xuất đó là trong trường hợp tác giả không chỉ định người thực hiện quyền nhân thân cho mình sau khi chết, thứ tự chủ thể có quyền được áp dụng theo quy định tại Điều 25 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nếu không có những người này thì những ai được hưởng quyền tác giả đối với tác phẩm theo quy định của pháp luật thừa kế sẽ có quyền thực hiện các quyền nhân thân của tác giả.

4.2. Về vấn đề từ bỏ quyền nhân thân

Như đã đề cập, nhiều quốc gia cho phép từ bỏ một phần hoặc toàn bộ, từ bỏ chung hay từ bỏ trong từng trường hợp cụ thể đối với quyền nhân thân của tác giả. Nhìn chung, các quốc gia theo hệ thống Dân luật với truyền thống bảo hộ quyền nhân thân độc lập với quyền tài sản sẽ có xu hướng không công nhận việc từ bỏ quyền nhân thân nói chung mà thay vào đó, chỉ cho phép từ bỏ một phần quyền nhân thân và việc từ bỏ này được xác định trong từng trường hợp cụ thể. Các quốc gia theo hệ thống Thông luật thì có xu hướng ngược lại, cho phép từ bỏ hoàn toàn và từ bỏ chung

đối với quyền nhân thân. Theo tác giả, với đặc trưng bảo hộ quyền nhân thân gắn với hệ thống Dân luật hơn là hệ thống Thông luật, pháp luật Việt Nam nên áp dụng cách tiếp cận thứ nhất. Theo đó, về mặt nguyên tắc, quyền nhân thân là không thể từ bỏ. Tuy nhiên, có thể cho phép một số trường hợp ngoại lệ trong đó tác giả chỉ được từ bỏ một phần quyền nhân thân và ý chí này phải được thể hiện bằng văn bản. Ngoài ra, tác giả chỉ có quyền từ bỏ sau, không có quyền từ bỏ trước đối với quyền nhân thân.

Cơ sở cho đề xuất này bao gồm các lý do sau:

Thứ nhất, xét về phương diện lý luận, tính chất không thể tách rời của quyền nhân thân cần được tôn trọng để bảo đảm tính thống nhất của nguyên tắc bảo hộ tác quyền, việc cho phép từ bỏ chung đối với quyền nhân thân sẽ vi phạm nguyên tắc trên.

Thứ hai, xét khía cạnh thực tế, việc xác lập nguyên tắc cấm từ bỏ chung đối với quyền nhân thân có thể hạn chế sự lạm dụng quyền từ phía chủ sở hữu, đặc biệt trong trường hợp tác phẩm được sáng tạo theo hợp đồng lao động. Trong những trường hợp này, người lao động thường có vị trí bất lợi hơn so với người sử dụng lao động, nên có khả năng người sử dụng lao động áp đặt các điều khoản để ngăn chặn người lao động thực thi các quyền nhân thân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra, ví dụ như cài các điều khoản yêu cầu tác giả phải từ bỏ hoàn toàn quyền nhân thân của mình đối với tác phẩm sẽ hình thành trong tương lai. Việc lạm dụng các điều khoản hợp đồng để tước đoạt quyền lợi chính đáng của tác giả đối với tác phẩm sẽ đi ngược lại nguyên tắc của pháp luật sở hữu trí tuệ đối với vấn đề bảo hộ quyền nhân thân của tác giả.

Thứ ba, việc cho phép tồn tại một số ngoại lệ sẽ tạo điều kiện cho việc khai thác

hiệu quả tác phẩm, thúc đẩy giao lưu dân sự. Mặt khác, việc công nhận tác giả có quyền tự nguyện từ bỏ quyền nhân thân một cách hạn chế cho phép tác giả tự do thể hiện ý chí, thực hiện quyền tự định đoạt đối với tác phẩm của chính mình mà không xâm phạm đến trật tự chung mà Nhà nước bảo vệ.

5. Kết luận

Luật Sở hữu trí tuệ 2005 đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung lần thứ 3, sau hai lần đầu vào năm 2009 và 2019. Các lần sửa đổi chủ yếu là để đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế, tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết. Thêm vào đó,

việc sửa đổi luật là nhu cầu cấp thiết nhằm điều chỉnh có hiệu quả hơn các quan hệ về quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng. Qua những phân tích trên, tác giả nhận thấy, đã đến lúc các quy định về quyền nhân thân trong hệ thống pháp luật quyền tác giả Việt Nam cần có sự chỉnh sửa cho phù hợp với xu hướng chung của thế giới và đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Trong số đó, việc thừa nhận và cụ thể hóa khả năng chuyển giao việc thực hiện quyền nhân thân sau khi tác giả qua đời và áp dụng nguyên tắc quyền nhân thân không thể bị từ bỏ trừ các trường hợp ngoại lệ là cần thiết.

(Tiếp theo trang 42 – Bồi thường thiệt hại về tinh thần...)

Kết luận

Khi những tổn thất của bên bị vi phạm liên quan đến yếu tố tinh thần thì việc đặt ra yêu cầu bồi thường thiệt hại để đảm bảo quyền lợi của họ là cần thiết. Pháp luật hợp đồng Việt Nam cần có những hướng dẫn chi tiết cho việc yêu cầu bồi thường đối với loại thiệt hại này trong hợp đồng theo hướng:

- Bồi thường thiệt hại về tinh thần trong hợp đồng chỉ nên được đặt ra trong một số trường hợp nhất định bao gồm: (i) Hợp đồng có mục đích đáp ứng nhu cầu về tinh thần để tận hưởng niềm vui hoặc giảm bớt sự phiền muộn; (ii) Giá trị tinh thần vượt quá những giá trị vật chất của hợp đồng; (iii) Vi phạm hợp đồng gây ra sự bất tiện về thể chất.

- Sự bất tiện về thể chất cũng như những tổn thất về trạng thái đau khổ, vui buồn cũng cần được xem xét trong các trường hợp hợp đồng nhằm mục đích tận

hưởng niềm vui hoặc giảm bớt sự muộn phiền này⁴⁸.

- Pháp luật nên thừa nhận những thỏa thuận bồi thường thiệt hại ấn định trước trong hợp đồng, đặc biệt là liên quan đến yếu tố thiệt hại tinh thần để đảm bảo quyền lợi cho các bên chủ thể tránh trường hợp xác định sai khoản thiệt hại vô hình này.

Đồng thời, khi chưa có những hướng dẫn cụ thể, nhưng án lệ đã được chính thức công nhận là nguồn luật⁴⁹, các thẩm phán hoàn toàn có quyền tạo nên những án lệ để đảm bảo lợi ích cho các bên trong quan hệ hợp đồng đặc biệt có thiệt hại tinh thần.

⁴⁸ Điều 7.4.2 PICC cũng có quy định tổn hại có thể không phải là tiền mà bao gồm đau khổ về thể chất hoặc đau khổ về tinh thần.

⁴⁹ Nghị quyết số 05/2015/NQ-HĐTP ngày 28/10/2015 về Quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ.